

Bản án số: 42a/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Đình Động**

Bà Hoàng Thị Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Lam - Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên (TAND huyện Ân Thi cũ), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1987; Nơi ĐKTT tại: C, N, H; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 2, phường N, C

- Bị đơn: Anh Đinh Lý H1, sinh năm 1987; Địa chỉ: C, N, H

Chị H, anh H1 vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Chị và anh Đinh Lý H1 tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2020 tại UBND xã Đặng Lễ, Ân Thi, Hưng Yên (Nay là Nguyễn Trãi, Hưng Yên). Sau khi kết hôn, chị có về chung sống với gia đình anh H1 làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, đến khoảng tháng 4/2024 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về quan niệm sống và làm kinh tế. Vì vậy cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và chị về nhà mẹ đẻ của chị ở Cao Bằng từ đó, sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H1, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị xin ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị xác định quá trình chung sống anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Vợ chồng anh chị không có và không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Lý H1 trình bày như sau: Cả hai anh chị tự do tìm hiểu và về ở với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Lễ (Nay là xã Nguyễn Trãi) vào năm 2020. Sau khi kết hôn chị H ở cùng gia đình anh khoảng 3 năm, đến nay chị H

đã bỏ đi được gần 01 năm nay và không quan tâm đến anh và gia đình. Anh chị không có quan điểm chung về làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi chửi nhau. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là đã không còn tình cảm với chị H nữa, ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án sớm giải quyết dứt điểm để ổn định cuộc sống, cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Vợ chồng anh chị không có và không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Do công việc nên anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt, anh từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, xin vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa.

Ông Đinh Công M (Bố đẻ của anh H1) trình bày: Ông là bố đẻ của anh H1 còn H là con dâu ông. Anh chị tự tìm hiểu nhau và tự đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Lễ (Nay là xã Nguyễn Trãi) năm 2020. Sau đó chị H về ở với gia đình ông khoảng 3 năm, anh chị thỉnh thoảng mâu thuẫn cãi chửi nhau, nguyên nhân do làm ăn kinh tế và khác biệt về lối sống. Chị H đã bỏ đi cả gần một năm nay và không về nhà. Chị H xin ly hôn, quan điểm của ông là vợ chồng đã mâu thuẫn sống ly thân từ lâu, chị H không quan tâm đến gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H, anh H1 không có tài sản chung, công sức, công nợ gì và cũng không có nợ hay tài sản chung liên quan đến ông.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên: Vợ chồng chị H, anh H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Lễ (Nay là xã Nguyễn Trãi) ngày 19/2/2020. Quá trình chung sống chị H, anh H1 có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được; Chị H, anh H1 không có con chung. Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa do **Bị đơn, Nguyên đơn vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.** Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:
- + Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- + Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đảm bảo đúng thành phần theo các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.
- + Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, 55, 57 Luật

Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, Nghị quyết số 01/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao. Để giải quyết theo hướng:

+ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Đinh Lý H1.

+ Về con chung: Không giải quyết.

+ Về tài sản chung; công sức, ruộng cây, nợ chung: Không giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị H tự nguyện nộp cả 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị H và bị đơn anh Đinh Lý H1 đều có địa chỉ tại Cổ Lễ, Nguyễn Trãi, Hưng Yên. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **H**, anh H1 đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H**, anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Lễ (Nay là xã Nguyễn Trãi) ngày 19/2/2020. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị **H**, anh H1 là hợp pháp. Nay chị **H** có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Sau khi kết hôn, chị **H** có về chung sống với gia đình anh H1 làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, đến khoảng tháng 4/2024 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế. Vì vậy cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và chị về nhà mẹ đẻ của chị ở Cao Bằng từ đó, sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H1, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị xin ly hôn với anh H1 và anh H1 cũng thừa nhận mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị **H** trình bày, đồng ý ly hôn với chị **H**. Thấy rằng, đến nay cả chị **H**, anh H1 cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân. Hôn nhân của chị **H**, anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị **H** là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **H**, anh H1.

[3] Về con chung: Chị **H**, anh H1 xác định quá trình chung sống không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị **H**, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **H** tự nguyện nộp cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị **H** và anh Đinh Lý H1.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Chị **H** tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0000388 ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hưng Yên. Hoàn trả chị Đinh Thị **H** 150.000 đồng tiền án phí.

- Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị **H**, anh Đinh Lý H1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục